CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 085/EB/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **XÚC XÍCH KHÔ NHỎ - MPX**
2. Thành phần: Thịt heo, muối, lactose, dextrose, gia vị, lá thơm, chất bảo quản (250), men. Lớp vỏ: collagen.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 60 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 75 g hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trực tiếp trong bao bì nhựa PE/PET.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): AOSTE SNC – Les Jacquards, Maclas 42520, France (Pháp).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,05
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,1

2. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn tối đa cho phép (CFU/g)	
		n	c	m	M
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	5	2	5×10^5	5×10^6
2	*E. coli*	5	2	5 x 10	5×10^2
3	*Salmonella*	5	0	Không phát hiện trong 25 g	

Trong đó:

- n: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.
- c: số đơn vị mẫu tối đa có kết quả nằm giữa m và M, tổng số mẫu có kết quả nằm giữa m và M vượt quá c là không đạt.
- m: là mức giới hạn mà các kết quả không vượt quá mức này là đạt, nếu các kết quả vượt quá mức này thì có thể đạt hoặc không đạt.
- M: là mức giới hạn tối đa mà không mẫu nào được phép vượt quá.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

XÚC XÍCH KHÔ NHỎ - MPX

Thành phần: Thịt heo, muối, lactose, dextrose, gia vị, lá thơm, chất bảo quản (250), men. Lớp vỏ: collagen.

Thông tin dinh dưỡng: Thành phần dinh dưỡng trên 100 g: Giá trị năng lượng 528 kcal (26%); Chất đạm 29 g (41%); Carbohydrate 4,1 g (1%); Đường tổng số 3,2 g (6%); Chất béo 44 g (79%); Chất béo bão hòa 18 g (90%); Natri 1.966 mg (98%).

Khối lượng tịnh: 75 g

Dùng trực tiếp hoặc chế biến món ăn. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: AOSTE SNC – Les Jacquards, Maclas 42520, France (Pháp).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Cân nhắc khi sử dụng nếu dị ứng với sữa. Có thể chứa dạng vết của các loại hạt. Sản phẩm không phù hợp cho trẻ em dưới 4 tuổi.

Số TCB: 085/EB/2023

SAUCISSONS SECS PUR PORC
QUALITÉ SUPÉRIEURE

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES	pour 1 portion de 25 g soit 4 mini saucissons environ	pour 100 g
Energie	548 kJ 132 kcal	2191 kJ 528 kcal
Matières grasses	11 g	44 g
dont acides gras saturés	4,5 g	18 g
Glucides	1 g	4,1 g
dont sucres	0,8 g	3,2 g
Protéines	7,3 g	29 g
Sel	1,3 g	5 g

Ce sachet contient 3 portions.

INGRÉDIENTS : viande de porc (origine : France) - sel - ***lactose*** - dextrose - épices - plantes aromatiques - conservateur : nitrite de sodium - ferments. Enveloppe : collagène. 175 g de viande utilisés pour la préparation de 100 g de produit fini. Traces de ***fruits à coque.*** Les informations en ***gras*** sont destinées aux personnes intolérantes ou allergiques.

CONDITIONS DE CONSERVATION : à conserver dans un endroit frais et au sec, de préférence entre +14°C et +18°C.

Conditionné sous atmosphère protectrice.

Élaboré en France.

MONOPRIX

MINI SAUCISSONS SECS NATURE

LE PORC FRANÇAIS

QUALITÉ SUPÉRIEURE

QUE VOUS LES ACHETIEZ OU PAS, VOUS ALLEZ VOUS EN MORDRE LES DOIGTS

75 G

NOUS VOUS RECOMMANDONS DE NE PAS DONNER NI LAISSER CES BOUCHÉES À LA PORTÉE DES ENFANTS DE MOINS DE 4 ANS, ILS POURRAIENT LES AVALER SANS LES MÂCHER ET S'ÉTOUFFER.

12 mini saucissons environ.

POIDS NET : 75 g

Distribué par
MONOPRIX EXPLOITATION
92116 Clichy Cedex

Sachet plastique à jeter

FR 42.129.001 CE

À CONSOMMER DE PRÉFÉRENCE AVANT LE / N° DE LOT :

EMB 42129B

3 350030 148003

ID=A5

Ngày 22 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG
Giám Đốc Chất Lượng và Vệ Sinh ATTP Toàn Quốc

29

TRANSLATION
BẢN DỊCH

MONOPRIX

MINI SAUCISSONS SECS NATURE

QUALITÉ SUPÉRIEURE

QUE VOUS LES ACHETIEZ OU PAS, VOUS ALLEZ VOUS EN MORDRE LES DOIGTS 75 G

SAUCISSONS SECS PUR PORC
QUALITÉ SUPÉRIEURE

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES	pour 1 portion de 25 g soit 4 mini saucissons environ	pour 100 g
Energie	548 kJ 132 kcal	2191 kJ 528 kcal
Matières grasses	11 g	44 g
dont acides gras saturés	4,5 g	18 g
Glucides	1 g	4,1 g
dont sucres	0,8 g	3,2 g
Protéines	7,3 g	29 g
Sel	1,3 g	5 g

Ce sachet contient 3 portions.

INGRÉDIENTS : viande de porc (origine : France) - sel - ***lactose*** - dextrose - épices - plantes aromatiques - conservateur : nitrite de sodium - ferments. Enveloppe : collagène. 175 g de viande utilisés pour la préparation de 100 g de produit fini. Traces de ***fruits à coque.*** Les informations en ***gras*** sont destinées aux personnes intolérantes ou allergiques.

CONDITIONS DE CONSERVATION : à conserver dans un endroit frais et au sec, de préférence entre +14°C et +18°C.

Conditionné sous atmosphère protectrice.

Élaboré en France.

MONOPRIX

XÚC XÍCH KHÔ NHỎ - MPX

VỊ TỰ NHIÊN

CHẤT LƯỢNG CAO

Dù bạn có mua hay không, cũng hãy xem thử sản phẩm này 75 G

XÚC XÍCH KHÔ TỪ THỊT HEO NGUYÊN CHẤT
CHẤT LƯỢNG CAO

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH	Mỗi 1 phần 25 g khoảng 4 chiếc xúc xích nhỏ	Mỗi 100 g
Năng lượng	548 kJ 132 kcal	2191 kJ 528 kcal
Chất béo	11 g	44 g
trong đó axit béo bão hoà	4,5 g	18 g
Carbohydrate	1 g	4,1 g
trong đó đường	0,8 g	3,2 g
Protein	7,3 g	29 g
Muối	1,3 g	5 g

Túi này này chứa khoảng 3 phần.

THÀNH PHẦN: thịt heo (nguồn gốc: Pháp) – muối – ***lactose*** – dextrose – gia vị - lá thơm – chất bảo quản: natri nitrit – men. Vỏ: collagen. 175 g thịt được dùng để chế biến ra 100 g thành phẩm. Có chứa các loại hạt. Thông tin ***in đậm*** dành cho những người không dung nạp hoặc dị ứng.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tốt nhất là ở nhiệt độ từ +14°C đến +18°C.

Được đóng gói trong môi trường bảo vệ.

Sản xuất tại Pháp.

NOUS VOUS RECOMMANDONS DE NE PAS DONNER NI LAISSER CES BOUCHÉES À LA PORTÉE DES ENFANTS DE MOINS DE 4 ANS, ILS POURRAIENT LES AVALER SANS LES MÂCHER ET S'ÉTOUFFER.

12 mini saucissons environ.

POIDS NET : 75 g

Distribué par
MONOPRIX EXPLOITATION
92116 Clichy Cedex

Sachet plastique à jeter

FR 42.129.001 CE

À CONSOMMER DE PRÉFÉRENCE AVANT LE / N° DE LOT :

EMB 42129B

3 350030 148003

ID=A5

NÊN ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ DƯỚI 4 TUỔI VÌ CHÚNG CÓ THỂ NUỐT CHỬNG VÀ BỊ NGHẸN.

Khoảng 12 chiếc xúc xích nhỏ.

KHỐI LƯỢNG TỊNH: 75 g

Phân phối bởi
MONOPRIX EXPLOITATION
92116 Clichy Cedex

Túi
nhựa
dùng 1 lần

HẠN SỬ DỤNG/SỐ LÔ:

EMB 42129B
ID=A5

3 350030 148003

Tôi, **Đinh Nguyễn Thị Sương**, Căn cước công dân số 054191009351, cam đoan đã dịch chính xác nội dung giấy tờ/văn bản này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Người dịch

Đinh Nguyễn Thị Sương

Ngày 03 tháng 03 năm 2023
(Bằng chữ: Ngày ……ba……... tháng ba…
Năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Ủy Ban Nhân Dân Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Tôi, Trần Ngọc Thảo
Là Phó Trưởng phòng Tư pháp

CHỨNG THỰC:

Bà **Đinh Nguyễn Thị Sương** là người đã ký vào bản dịch này ~~trước mặt tôi~~. 030814

Số chứng thực:
Quyển số: 01- SCT/CKND
Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận Phú Nhuận

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
Q. PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Ngọc Thảo

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0322 ISO/IEC 17025:2017

Trang/ *Page No*: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200393-10

1. **Tên khách hàng/** *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ/** *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample(s) received* : 08/02/2023
4. **Ngày phân tích mẫu/** *Date of Performance of Test* : 08/02/2023
5. **Ngày trả kết quả/** *Date of Issue* : 13/02/2023
6. **Thông tin mẫu/** *Name of Sample* : **XÚC XÍCH KHÔ NHỎ - MPX**
7. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú/** *Note* :
9. **Bảng kết quả/** *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
2	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
3	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	LS	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

ĐOÀN HỮU LƯỢNG

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200393-10

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/02/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/02/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 13/02/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **XÚC XÍCH KHÔ NHỎ - MPX**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	$4.7x10^5$	CFU/g	-	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

ĐOÀN HỮU LƯỢNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*